

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI BIÊN MẬU CỦA TRUNG QUỐC

1. Tổng quan về tình hình thương mại biên mậu của Trung Quốc

Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập ngày 01/01/1949, đến nay đã trải qua 70 năm tồn tại và phát triển kinh tế Trung Quốc đã có sự đóng góp không nhỏ trong lĩnh vực thương mại biên mậu. Chính sách thương mại biên mậu của Trung Quốc đã đưa Trung Quốc đến với thế giới và từng bước nâng cao sức cạnh tranh trên trường quốc tế. Sau hơn 20 năm cải cách mở cửa, cùng với nhịp độ tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế, thương mại biên mậu của Trung Quốc đã phát triển rất nhanh, nhịp độ còn cao hơn nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Mức độ phụ thuộc của nền kinh tế quốc dân vào thương mại biên mậu ngày càng tăng lên. Trung Quốc đã trở thành nước đang phát triển đầu tiên sánh vai với các cường quốc phát triển.

Năm 2001, cùng với việc Trung Quốc gia nhập tổ chức thương mại quốc tế WTO, thương mại biên mậu lại có sự chuyển mình mới. Một loạt các văn bản pháp quy, luật lệ kinh tế không phù hợp với WTO đã được xóa bỏ, hệ thống pháp luật pháp quy mới được ban hành, mặt bằng thuế quan của Trung Quốc được cắt giảm từ 15,3% xuống còn 12%, liên quan tới 5.300 loại thuế, theo phương châm vừa phù hợp với nguyên tắc của WTO vừa phù hợp với thực tiễn của Trung Quốc.

Năm 2002 do kinh tế thế giới tiếp tục suy giảm, lại là năm đầu tiên Trung Quốc gia nhập WTO nên hoạt động thương mại biên mậu sẽ gặp khó khăn. Tuy nhiên, Trung Quốc phấn đấu để xuất khẩu có tăng, mặc dù không thể tăng nhiều. Để phát triển mục tiêu đã đề ra, một loạt các biện pháp được thực hiện để giữ thị trường hiện có, tìm thêm thị trường mới, điều chỉnh kết cấu, nâng cao chất lượng các mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là đẩy mạnh chiến lược “hướng ra bên ngoài”. Chính phủ Trung Quốc luôn khuyến khích và giúp đỡ các doanh nghiệp ra nước ngoài, nhất là tới các nước xung quanh để đầu tư, xây dựng xí nghiệp, bao thầu công trình, tạo điều kiện xuất khẩu kỹ thuật, thiết bị, vật liệu và lao động. Tuy nhiên, kết quả mà hoạt động thương mại biên mậu của Trung Quốc đạt được lại nằm ngoài dự đoán của các chuyên gia kinh tế. Năm 2002 lần đầu

tiên kim ngạch xuất khẩu vượt qua ngưỡng 600 tỷ USD, đạt 620,79 tỷ USD, tăng 21,8% so với năm 2001; trong đó kim ngạch XK lần đầu tiên vượt mức 300 tỷ USD, đạt 325,57 tỷ USD, tăng 22,3% so với năm 2001; kim ngạch Nhập khẩu đạt 295,22 tỷ USD, tăng 21,2% so với năm 2001, mức thuận sai mậu dịch đạt 30,35 tỷ USD, tăng 7,8 tỷ USD so với năm 2001 và đến năm 2016 tổng kim ngạch xuất khẩu giảm 7,7% xuống 2.100 tỷ USD, trong khi nhập khẩu giảm 5,5% xuống còn 1.590 tỷ USD, và thặng dư thương mại của đất nước này ở mức 510 tỷ USD.

Quý 1/2002 tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chỉ đạt mức 10%. bước sang quý hai đã xuất hiện xu thế tăng trưởng ổn định vững chắc với mức tăng trưởng 14,1% và quý ba đạt mức tăng trưởng 19,4%. Ba tháng của quý 4, mỗi tháng tạo ra mức tăng trưởng kỷ lục, vượt 30% so với cùng kỳ năm ngoái, kết quả đưa mức tăng trưởng kim ngạch Xuất khẩu cả nước lên 22,3%. Xuất khẩu đã trở thành một bộ phận rất quan trọng làm tăng trưởng nền kinh tế quốc dân Trung Quốc. Đến năm 2017 kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc tăng gần 7,9% và nhập khẩu tăng 15,9%. Như vậy có thể thấy, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tăng mạnh trên toàn cầu trong năm 2017 đem tới nhiều lợi ích cho Trung Quốc và một số nền kinh tế phụ thuộc vào thương mại, và xu hướng này được dự báo sẽ tiếp tục trong năm 2018.

Theo thống kê của Hải quan Trung Quốc, năm 2001, trong cơ cấu hàng xuất khẩu, sản phẩm cơ điện chiếm hàng đầu, hàng hóa xuất khẩu truyền thống đã có bước thay đổi tích cực. Năm 2002 xu thế tăng trưởng hàng xuất khẩu truyền thống chủ yếu của Trung Quốc diễn ra tốt đẹp hơn năm 2001, trong đó, kim ngạch xuất khẩu may mặc đạt 41,19 tỷ USD, tăng 12,7%; tương tự, hàng dệt và các sản phẩm thuộc ngành dệt đạt 20,58 tỷ USD, tăng trưởng 9,9%; sản phẩm nhựa các loại đạt 6,05 tỷ USD, tăng 18,8%; đồ chơi đạt 5,57 tỷ USD, tăng 7,9%. Việc Nhập khẩu các sản phẩm sơ chế vẫn giữ mức tăng ổn định. Năm 2002 kim ngạch Nhập khẩu sản phẩm sơ chế đạt 49,27 tỷ USD, tăng 7,7% so với năm 2001; kim ngạch Nhập khẩu hàng thành phẩm đạt 245,94 tỷ USD tăng 24,3%. Cùng với dòng đầu tư nước ngoài đổ mạnh vào Trung Quốc, hàng loạt các công ty đa quốc gia dịch chuyển vào Trung Quốc, dẫn đến mức tăng trưởng mậu dịch gia công Trung Quốc đạt tốc độ kỷ lục. Cũng theo thống kê của Hải

quan Trung Quốc, xu thế tăng trưởng XNhập khẩu của các DN có vốn đầu tư nước ngoài và DNNN đã cải thiện đáng kể. Năm 2002, các DN có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu sản xuất gia công vẫn giữ được chiều hướng tăng trưởng ổn định: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 330,22 tỷ USD tăng 27,5%, trong đó, Xuất khẩu 169,94 tỷ USD tăng 27,6%; Nhập khẩu đạt 160,28 tỷ USD tăng trưởng 27,4% so với 2001. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của DNNN đạt 237,35 tỷ USD tăng 9,5% so với năm trước. Trong đó, Xuất khẩu đạt 122,86 tỷ USD, tăng 8,5%; Nhập khẩu đạt 114,49 tỷ USD, tăng 10,6%. Ngoài ra, các thành phần kinh tế khác như tập thể, tư nhân, cá thể... cũng được tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, do đó đã đẩy mạnh việc phát triển kinh tế đối ngoại. Tình hình tăng trưởng mậu dịch giữa Trung Quốc với các đối tác mậu dịch, chủ yếu phát triển thuận lợi, 10 nước đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc - trừ Canada vẫn duy trì mức tăng trưởng hai con số, kim ngạch mậu dịch giữa Trung Quốc với 10 đối tác chủ yếu chiếm 85,2% tổng kim ngạch mậu dịch XNhập khẩu của Trung Quốc. Trong đó Nhật Bản là đối tác hàng đầu của Trung Quốc với tổng kim ngạch mậu dịch hai chiều đạt 101,91 tỷ USD, chiếm 16,4% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc, và tăng 16,2% so với năm 2001. Đối tác lớn thứ hai là Mỹ, thứ ba là EU, với mức tổng kim ngạch hai chiều đạt lần lượt là 97,18 tỷ USD, 86,76 tỷ USD. Năm 2003, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc đạt mức tăng trưởng kỷ lục là 840 tỷ USD, trong đó XK đạt 430 tỷ USD, và trở thành một trong những động lực chính thúc đẩy kinh tế Trung Quốc tăng trưởng mạnh trong năm này. Có được sự tăng trưởng kỳ diệu như vậy là do Trung Quốc có những lợi thế so sánh nhất định trong phát triển, cụ thể là:

Thứ nhất, Trung Quốc là quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú. Những tài liệu công bố gần đây cho biết Trung Quốc có nguồn tài nguyên thiên nhiên đứng hàng thứ 3 thế giới. Chúng loại và số lượng các sản phẩm mang tính tài nguyên cơ bản của nó có thể đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển nhanh của đất nước này. Các mặt hàng than nguyên khai, xi măng, bông, vải bông, nguyên liệu dầu... có sản lượng lên đứng đầu thế giới. Ngoài ra, lượng phát điện và sản lượng dầu thô, sản lượng thép đứng hàng thứ 4 và thứ 5 thế giới.

Thứ hai, Trung Quốc có nguồn lao động phong phú, chi phí lao động thấp hơn nhiều so với mức trung bình quốc tế. Theo tính toán của một nhóm nhà khoa học, trong 20 năm kể từ đầu thập kỷ 90, trung bình, mỗi năm Trung Quốc có 21 triệu người bước vào độ tuổi lao động. Số người trong độ tuổi lao động năm 1990 là 756,6 triệu người, năm 2000 là 844,73 triệu, năm 2017 là 1.016.949.368 người tương đương với 73,6% tổng dân số và dự kiến đến năm 2020 dao động từ 983 đến 1018 triệu sau đó sẽ giảm; năm 2050: 913-1047 triệu. Trừ số người còn đang đi học, tàn tật v.v... số lao động thực tế năm 2000 sẽ là 731,26 triệu, năm 2020 là 833-866 triệu, năm 2050 sẽ là 761-881 triệu. Cũng theo tính toán trên, từ năm 1992 đến năm 2000, tổng số sức lao động ở nông thôn sẽ tăng thêm 100 triệu. Nếu cộng thêm số lao động vốn dư thừa ở nông thôn và trừ đi số giảm tự nhiên, ước đoán có khoảng 200 triệu lao động ở nông thôn cần di chuyển ra khỏi nông nghiệp. Đây là một thách thức rất lớn đối với Trung Quốc về các mặt cơ sở hạ tầng đô thị, thể chế thị trường lao động và các vấn đề xã hội. Song vấn đề này cũng là một cơ hội rất lớn vì lực lượng lao động, bao gồm lao động dư thừa là một trong những nguồn lực lớn nhất của Trung Quốc. Nếu được quản lý một cách hiệu quả, nó sẽ tạo ra những động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự tăng trưởng.

Thứ ba, Trung Quốc có tiềm lực thị trường rất to lớn. Quả thực, với số dân đông nhất thế giới, thị trường Trung Quốc là một thị trường rộng lớn đầy hấp dẫn. Hơn 25 năm qua, cùng với cải cách mở cửa, đời sống nhân dân đã không ngừng cải thiện và nâng cao, nhất là ở khu vực ven biển. Năm 1996, thu nhập bình quân đầu người của dân thành thị ở Trung Quốc đạt 4.380 NDT (khoảng 547 USD), thu nhập bình quân đầu người của dân nông thôn đạt 1.900 NDT (khoảng 237 USD). Thu nhập bình quân đầu người sau thuế của người dân Trung Quốc trong năm 2017 cũng tăng lên mức 25.974 NDT (4.033 USD), tăng 7,3% so với năm 2016. Mức tăng này cao hơn 1 điểm phần trăm so với mức tăng 6,3% của năm trước đó, nhờ đà phục hồi tích cực của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.

Tiêu dùng của cư dân thành thị đang tăng từ cấp ngàn đồng (NDT) lên cấp vạn đồng. Đây là một tiềm năng quan trọng của nền kinh tế Trung Quốc khi thị trường tiêu dùng, điện tử, vải vóc, may mặc, ngành du lịch, giải trí... đều được

sự kích thích phát triển của người tiêu dùng trong nước và là sức hút mạnh mẽ với các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, Trung Quốc có khả năng huy động vốn cao. Vốn là một đảm bảo cực kỳ quan trọng cho việc phát triển kinh tế xã hội, hiện đại hóa đất nước. Nhiều năm qua Trung Quốc luôn giữ mức tích lũy nội bộ cao, xấp xỉ 40%. Quy mô đầu tư 5 năm 1996 - 2000 sẽ là 13 ngàn tỷ NDT. Tính đến cuối năm 1996 đã có gần 500 công ty của Trung Quốc tham gia thị trường chứng khoán với trên 100 tỷ cổ phiếu, trị giá khoảng 1000 tỷ NDT, Ngoài ra, trong thời gian 1978-96, Trung Quốc đã sử dụng thực tế một lượng vốn bên ngoài lên tới khoảng 200 tỷ đô la Mỹ, trong đó khoảng một nửa là tiền vay, một nửa là FDI. Nền biên mậu đồ sộ của Trung Quốc mà dự đoán đến 2010 sẽ có quy mô XK đạt khoảng 400 tỷ USD sẽ mang lại những lợi ích to lớn cho

Trung Quốc qua khoản xuất siêu thường xuyên. Hiện nay dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đã xấp xỉ 150 tỷ USD.

Thứ năm, Trung Quốc hội nhập rất nhanh vào khu vực và thế giới.

Chính sách mở cửa của Trung Quốc là một bộ phận quan trọng của cải cách kinh tế của nước này và là một trong những nguyên nhân quan trọng của sự tăng trưởng. Trung Quốc đã có mối liên kết về tài chính với thế giới từ cuối những năm 70 và tăng rất nhanh từ giữa những năm 80. Hiện nay, Trung Quốc thu hút tới 40 % FDI vào các nước đang phát triển và là nước tiếp nhận FDI lớn thứ hai trên thế giới sau Mỹ. Một khi sự hội nhập hơn nữa của Trung Quốc với nền kinh tế thế giới được đẩy mạnh khi Trung Quốc đã chính thức là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO, thì sự tăng trưởng của nước này sẽ tăng nhanh hơn nữa như kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra. Bởi vì hiện nay có tới 96 % hoạt động nghiên cứu và triển khai của thế giới là do các nước công nghiệp phát triển tiến hành, các nước đang phát triển như Trung Quốc có thể sẽ nhận được những tiến bộ kỹ thuật bằng con đường ít tốn kém là tự do hóa.

Nhập khẩu các sản phẩm trung gian và thiết bị sản xuất chuẩn công nghệ tiên tiến nước ngoài nhằm tăng năng suất lao động.

Trên cơ sở những lợi thế nêu trên, nhiều nhà phân tích Trung Quốc và quốc tế đều có chung nhận định rằng, Trung Quốc sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng

trường cao liên tục trong vài thập kỷ nữa và cùng với sự tăng trưởng này, địa vị của nó trong nền kinh tế thế giới và khu vực sẽ có những thay đổi lớn.

Diễn hình là ý kiến của Kissinger, cựu ngoại trưởng Mỹ thì “Trung Quốc sẽ xuất hiện với tư thế một siêu cường non trẻ khi thu nhập quốc dân bình quân đầu người ở Trung Quốc đạt mức Hàn Quốc hiện nay từng sản phẩm quốc dân của nước này sẽ gấp 2 lần nước Mỹ...”

Về lĩnh vực biên mậu, hiện nay Trung Quốc là cường quốc thứ 10 trên thế giới, chiếm 4 % thương mại thế giới. Trong thời gian 1978 - 1995, kim ngạch biên mậu đã từ chỗ chiếm khoảng 13 % GDP tăng vọt lên 30%: từ 36 tỷ đô la lên 300 tỷ, tăng gần 10 lần. Các chuyên gia kinh tế thế giới đang tính tới năm 2020 “Trung Quốc sẽ trở thành quốc gia thương mại lớn thứ hai trên thế giới, chiếm khoảng 10% tỷ phần xuất khẩu của thế giới, chỉ sau Mỹ (nước chiếm khoảng 12%) và vượt xa Nhật (nước chiếm khoảng 5 % xuất khẩu thế giới). Trung Quốc sẽ chiếm 40 % mức tăng Nhập khẩu dự kiến của các nước đang phát triển...và sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới vào năm 2020, chiếm 8 % sản lượng toàn thế giới, chỉ đứng sau Mỹ, là nước sẽ chiếm 19 % nền kinh tế toàn cầu”

Có thể nói, những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế của Trung Quốc những năm vừa qua có sự đóng góp rất to lớn của Biên mậu mà cội rễ của nó là Chính sách phát triển Biên mậu của Trung Quốc. Đây chính là kim chỉ nam, và cũng là nhân tố mang tính quyết định cho sự khởi sắc của biên mậu Trung Quốc nói riêng và sự cất cánh của nền kinh tế Trung Quốc nói chung.

2. Khái niệm, vai trò của chính sách biên mậu trong nền kinh tế Trung quốc

2.1. Khái niệm về Chính sách Biên mậu

Chính sách Biên mậu là một hệ thống các nguyên tắc, biện pháp kinh tế, hành chính và pháp luật liên quan đến hoạt động biên mậu mà nhà nước áp dụng để thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội của một đất nước trong từng thời kỳ nhất định. Chính sách Biên mậu là một bộ phận cấu thành của chính sách kinh tế nói chung và chính sách kinh tế đối ngoại nói riêng.

Mục tiêu cơ bản của Chính sách Biên mậu là hướng tới việc sử dụng và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Chính sách Biên mậu vừa thể hiện tính chất mở cửa nền kinh tế, vừa thể hiện sự phân biệt đối xử đối với các nhà sản xuất kinh doanh nước ngoài theo nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi. Nhiệm vụ chủ yếu của Chính sách Biên mậu là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp trong nước mở rộng buôn bán với nước ngoài cũng như thông qua đàm phán quốc tế để đạt được mở rộng thị trường hợp pháp cho các doanh nghiệp. Đồng thời Chính sách Biên mậu còn phải góp phần bảo hộ hợp lý sản xuất nội địa, hạn chế cạnh tranh bất lợi cho các doanh nghiệp trong nước.

Chính sách Biên mậu bao gồm các bộ phận cấu thành như chính sách thị trường, chính sách sản phẩm, chính sách thuế, chính sách khuyến khích Xuất khẩu, chính sách quản lý Nhập khẩu, chính sách tỷ giá...

Trên đây là những khái niệm cơ bản nhất về Chính sách Biên mậu nói chung và cũng đồng thời là các đặc trưng cơ bản của Chính sách Biên mậu Trung Quốc. Tuy nhiên, trong thực tiễn thương mại quốc tế, tuy thuộc vào từng thời điểm lịch sử, Chính sách Biên mậu Trung Quốc bên cạnh việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cơ bản, còn có những sự thay đổi nhất định để tương thích với điều kiện của quốc gia mình.

2.2. Vai trò của Chính sách Biên mậu trong nền kinh tế Trung Quốc.

Trong hơn hai thập kỷ gần đây, đặc biệt là sau cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính năm 1997, Chính sách Biên mậu của Trung Quốc đã bộc lộ sự ưu việt của mình thông qua sự đóng góp rất tích cực trong việc phát triển biên mậu nói riêng và mọi mặt đời sống kinh tế-xã hội của Trung Quốc nói chung. Vai trò quan trọng đó của Chính sách Biên mậu trong nền kinh tế Trung Quốc thể hiện rõ nét qua các nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, Chính sách Biên mậu góp phần tích cực trong việc khắc phục những hạn chế của biên mậu Trung Quốc trước thời kỳ mở cửa.

Ngay sau khi thành lập, Trung Quốc đã bắt tay xây dựng một thể chế biên mậu mới để mở rộng phạm vi buôn bán với bên ngoài. Biên mậu trong thời kỳ này được thực hiện theo một cơ chế tập trung thống nhất từ Trung ương, một cơ

chế hoạt động biên mậu trực thuộc Nhà nước. Hoạt động biên mậu được chính quyền trung ương lãnh đạo và chi phối bằng các biện pháp hành chính, tác là bằng các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật của Nhà nước. Chính vì vậy, đặc trưng của thể chế quản lý hoạt động biên mậu thời kì này là thể chế của nền kinh tế hiện vật, trên cơ sở chế độ công hữu đơn nhất. Như vậy, trong một thời gian dài, Nhà nước chỉ duy trì chính sách kinh doanh độc quyền, thống nhất, được điều hành bằng mệnh lệnh hành chính thông qua một mạng lưới các công ty biên mậu đã khiến cho tình hình buôn bán luôn luôn trong thế bị động; các công ty thương mại không chủ động phát huy sáng tạo trong sản xuất kinh tế, ỷ lại vào Nhà nước. Kết quả là sản xuất không phát huy được hiệu quả, bị tách khỏi tiêu thụ, mất tính tập trung với quy mô lớn, hình thành việc buôn bán đơn lẻ, thiếu những kênh tiêu thụ hàng hóa ra thị trường thế giới. Thực trạng này cũng dẫn tới hệ quả tất yếu là sự thiếu hiểu biết của các doanh nghiệp sản xuất về thị trường, mặt hàng, cơ chế... đã gây nhiều trở ngại hơn cho việc mở rộng khả năng và phạm vi hoạt động biên mậu. Không những vậy, do nóng vội và mong muốn phát triển kinh tế, hội nhập với mậu dịch quốc tế nên chính quyền trung ương đã xây dựng một hệ thống các chính sách khổng lồ, chông chéo. Bên cạnh đó, việc quản lý các hoạt động biên mậu một cách quá căng nhắc đã hạn chế rất nhiều đến các giao dịch với nước ngoài. Ngoài ra, sự can thiệp quá sâu bằng các biện pháp hành chính đã làm mất tác dụng điều tiết của đòn bẩy kinh tế, làm giảm sức cạnh tranh trong việc tham gia trao đổi mậu dịch trên thế giới.

Trong bối cảnh thực tế lúc đó, thể chế này đã có lúc phát huy tác dụng tích cực của nó, đặc biệt là trong việc phân phối, sử dụng các nguồn lực một cách tập trung, điều hành các hoạt động X N K một cách thống nhất, đảm bảo cho hoạt động biên mậu thực hiện có trọng điểm, tập trung được các lực lượng đơn lẻ thành sức mạnh tổng hợp nên đã vượt qua được nhiều thử thách trong cạnh tranh mậu dịch quốc tế. Tuy nhiên, trong xu thế mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế, tăng cường hợp tác hiện nay, thể chế trên rõ ràng là không phù hợp.

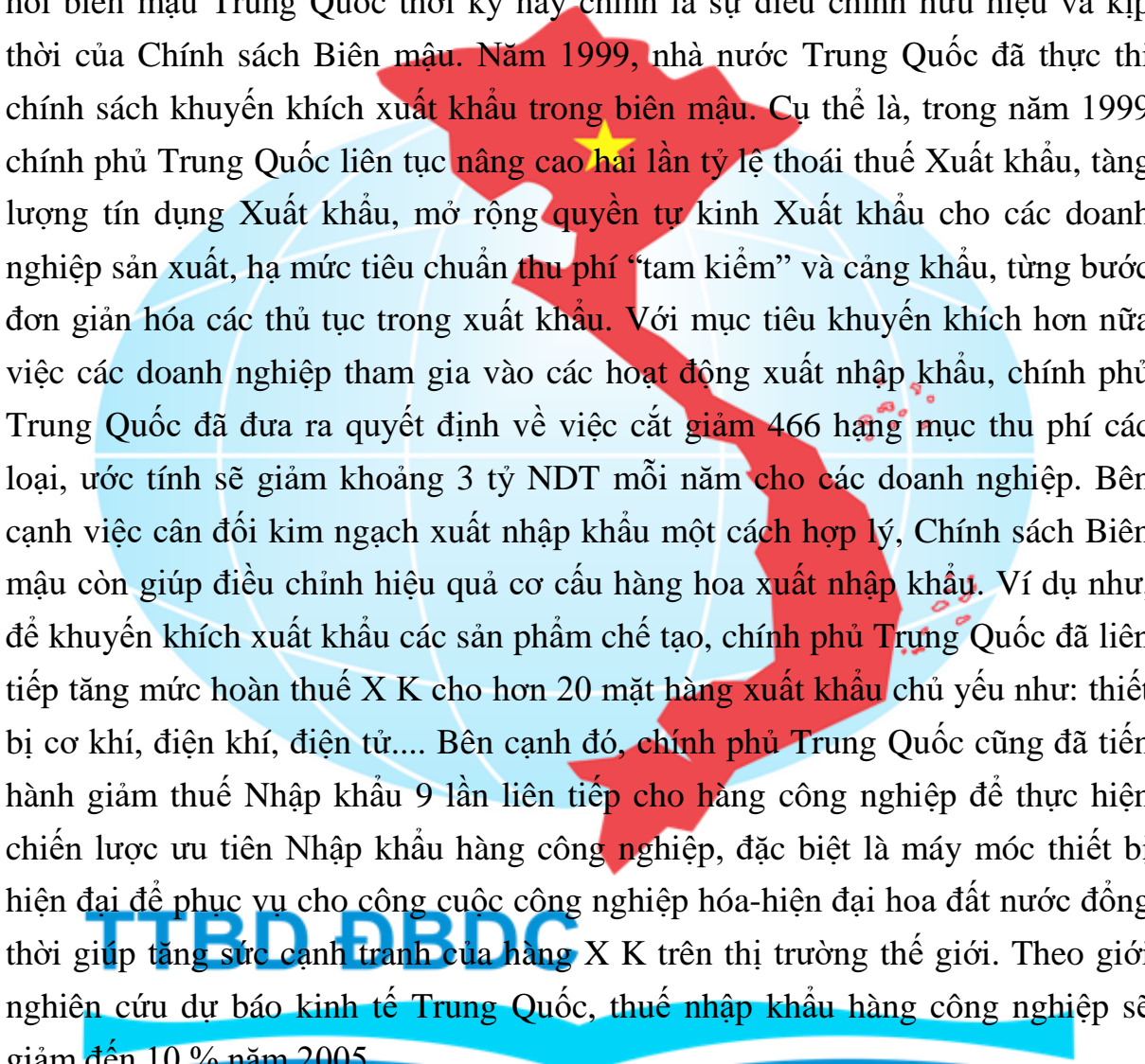
Nhận thức được những hạn chế của thể chế biên mậu cũ, đón bắt xu hướng phát triển kinh tế trong giai đoạn mới, tại Hội nghị trung ương khóa 11 của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chính phủ Trung Quốc đã chủ trương thực hiện chính sách “cải cách, mở cửa” nền kinh tế, trong đó, thể chế biên mậu là một

trong những lĩnh vực được chú trọng cải cách ngay từ đầu. Mục đích chủ yếu của cuộc cải cách này là mở rộng quyền hạn chủ động kinh doanh biên mậu, khơi dậy sự năng động, tính sáng tạo, tích cực cho các xí nghiệp và công ty xuất - Nhập khẩu biên mậu; mở rộng các kênh tiêu thụ hàng hóa ra thị trường nước ngoài, tăng cường sức cạnh tranh và nâng cao vị trí của hàng hóa xuất nhập khẩu của Trung Quốc trên thị trường quốc tế... Và thực tế đã chứng minh rằng, nhờ chủ trương đúng đắn này mà Trung Quốc từ một nước nông nghiệp lạc hậu, mức sống người dân thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn... đã vươn lên là một trong năm cường quốc kinh tế, có sức mạnh kinh tế không chỉ với các nước đang phát triển mà với cả các nước kinh tế phát triển khác trên thế giới.

Thứ hai, Chính sách Biên mậu có vai trò mang tính quyết định trong việc điều chỉnh hữu hiệu cơ cấu XNhập khẩu của Trung Quốc.

Trong điều kiện nền kinh tế thế giới đầy biến động như hiện nay, việc đề ra các Chính sách Biên mậu cần thiết để ứng phó kịp thời với những thay đổi, tạo điều kiện cho biên mậu phát triển ổn định có ý nghĩa rất quan trọng. Chẳng hạn như khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á xảy ra đã ảnh hưởng đáng kể đến biên mậu Trung Quốc trong suốt năm 1998 và nửa đầu năm 1999. Đồng tiền của các nước Đông Nam Á và Hàn Quốc mất giá và tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm làm cho nhu cầu Nhập khẩu của nước này giảm mạnh.

Cũng do đồng tiền mất giá, giá hàng Xuất khẩu rẻ làm sức cạnh tranh tăng lên, ảnh hưởng đến xuất khẩu của Trung Quốc. Năm 1998, Xuất khẩu tăng chậm, từ mức 0,5% so với 2.0 % của năm 1997. Xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 1999 của Trung Quốc giảm 7,1% trong đó quý I giảm 7,9% và quý 2 giảm 1,3% so với cùng kì năm trước. Trong hai tháng đầu năm 1999 xuất khẩu sang các nước Châu Á giảm 18 % so với cùng kì năm trước, chỉ còn 11,48 tỷ USD. Trong số các mặt hàng thuộc sản phẩm công nghiệp Nhập khẩu thì tăng nhanh nhất là hàng điện khí, điện tử đạt 3,93 tỷ USD (tăng 33,4%). Việc tăng nhập khẩu và giảm xuất khẩu như vậy dẫn đến nguy cơ thâm hụt trong cán cân xuất nhập khẩu. Điều này đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Trung Quốc. Tuy nhiên, bước sang tháng 7 năm 1999, biên mậu Trung Quốc đã có dấu hiệu phục hồi. Theo báo cáo của Hải quan Trung Quốc kim ngạch xuất khẩu trong các tháng 8, 9, lữ năm 1999 lần lượt tăng với các tỷ lệ khả quan là 17,8%; 20,7%



và 23,8%. Sự phục hồi trong xuất khẩu không những giúp Trung Quốc tránh khỏi nguy cơ thâm hụt mà còn giúp Trung Quốc đạt được thặng dư thương mại với số liệu thực tế tháng 10 năm 1999 là 23,8 tỷ USD. Có được thành quả này một phần là do sự phục hồi của một số thị trường truyền thống Châu Á như Nhật Bản, Hồng Kông, Asean... Song nhân tố mang tính quyết định đối với sự phục hồi biên mậu Trung Quốc thời kỳ này chính là sự điều chỉnh hữu hiệu và kịp thời của Chính sách Biên mậu. Năm 1999, nhà nước Trung Quốc đã thực thi chính sách khuyến khích xuất khẩu trong biên mậu. Cụ thể là, trong năm 1999 chính phủ Trung Quốc liên tục nâng cao hai lần tỷ lệ thoái thuế Xuất khẩu, tăng lượng tín dụng Xuất khẩu, mở rộng quyền tự kinh Xuất khẩu cho các doanh nghiệp sản xuất, hạ mức tiêu chuẩn thu phí “tam kiểm” và cảng khẩu, từng bước đơn giản hóa các thủ tục trong xuất khẩu. Với mục tiêu khuyến khích hơn nữa việc các doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động xuất nhập khẩu, chính phủ Trung Quốc đã đưa ra quyết định về việc cắt giảm 466 hạng mục thu phí các loại, ước tính sẽ giảm khoảng 3 tỷ NDT mỗi năm cho các doanh nghiệp. Bên cạnh việc cân đối kim ngạch xuất nhập khẩu một cách hợp lý, Chính sách Biên mậu còn giúp điều chỉnh hiệu quả cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu. Ví dụ như, để khuyến khích xuất khẩu các sản phẩm chế tạo, chính phủ Trung Quốc đã liên tiếp tăng mức hoàn thuế X K cho hơn 20 mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: thiết bị cơ khí, điện khí, điện tử.... Bên cạnh đó, chính phủ Trung Quốc cũng đã tiến hành giảm thuế Nhập khẩu 9 lần liên tiếp cho hàng công nghiệp để thực hiện chiến lược ưu tiên Nhập khẩu hàng công nghiệp, đặc biệt là máy móc thiết bị hiện đại để phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước đồng thời giúp tăng sức cạnh tranh của hàng X K trên thị trường thế giới. Theo giới nghiên cứu dự báo kinh tế Trung Quốc, thuế nhập khẩu hàng công nghiệp sẽ giảm đến 10 % năm 2005.

Như vậy, có thể thấy, mỗi khi nền biên mậu của Trung Quốc gặp khó khăn, dù là do nguyên nhân khách quan hay chủ quan, Chính sách Biên mậu luôn đóng vai trò tích cực để hóa giải những khó khăn đó và chuyên hóa nó thành những thuận lợi nhất định thông qua việc điều chỉnh hữu hiệu cơ cấu xuất nhập khẩu của mình.

Thứ ba, Chính sách Biên mậu trong những năm vừa qua đã có đóng góp tích cực trong việc nâng cao được hiệu quả của hoạt động thương mại quốc tế của Trung Quốc.

Thông qua việc điều tiết và cân đối hoạt động xuất nhập khẩu một cách có hiệu quả, Chính sách Biên mậu Trung Quốc qua các thời kỳ luôn đảm nhiệm tốt vai trò của mình trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại quốc tế của Trung Quốc. Chính sách Biên mậu của Trung Quốc trong hai mươi năm gần đây đã qua không ít lần điều chỉnh song đều nhằm mục tiêu mở rộng một cách có hiệu quả quy mô và tốc độ của mậu dịch đối ngoại, phát triển cả về chất lượng và số lượng các kênh lưu thông, đa dạng hóa phương thức giao dịch trong kinh doanh, tăng cường khối lượng các doanh nghiệp tham gia kinh doanh biên mậu ... từ đó tạo điều kiện cho các loại hình phát triển kinh tế hướng ra bên ngoài, mở rộng buôn bán trên thị trường thế giới, nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại của Trung Quốc trên thị trường thế giới. Thực tế trong những năm vừa qua đã minh chứng cho vai trò quan trọng này của Chính sách Biên mậu Trung Quốc. Nhờ đổi mới biên mậu, Trung Quốc đã trở thành nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.

Nếu tính từ năm 1979 đến năm 2000, tăng trưởng GDP bình quân đạt 9,5%/năm. Trong năm 2000, nền kinh tế Trung Quốc giữ được mức phát triển nhanh, ổn định, GDP đạt 8.940,4 tỉ NDT, tăng 8 % so với năm 1999; 6 tháng đầu năm 2001, GDP tăng 8%. Sau 22 năm tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 22 lần; năm 2000 tổng kim ngạch XNK của Trung Quốc đạt 474,3 tỉ USD, xuất khẩu xếp hàng thứ 7 và Nhập khẩu hàng thứ 8 thế giới, tăng 31,5% so với năm 1999; trong đó, Xuất khẩu tăng 27,8%, Nhập khẩu tăng 35,8%. Mức độ phụ thuộc của nền kinh tế quốc dân vào biên mậu ngày càng tăng lên. Trung Quốc đã trở thành nước đang phát triển đầu tiên sánh vai với các cường quốc phát triển. Trung quốc cũng đã mở rộng quan hệ giao lưu buôn bán với hầu hết các nước trong khu vực và trên thế giới, các sản phẩm của Trung Quốc ngày càng phong phú hơn trên các thị trường. Các đối tác thương mại chủ yếu của Trung Quốc hiện nay là Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ...

Thứ tư, Chính sách Biên mậu có vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo vị thế có lợi của Trung Quốc trên thị trường quốc tế đầy biến động.

Trong giai đoạn xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay, chính phủ Trung Quốc rất quan tâm đến việc khai thác tối ưu hiệu quả các nguồn vốn từ thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Chính vì vậy, mậu dịch đối ngoại có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế để vươn rộng ra bên ngoài của Trung Quốc. Mặt khác, thông qua hoạt động buôn bán với thế giới, Trung Quốc còn muốn hướng tới mục tiêu thu hút những thành quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học của thế giới để rút ngắn con đường đi tới hiện đại hóa của mình. Tuy nhiên, trong một môi trường cạnh tranh quốc tế vô cùng khốc liệt như hiện nay, việc thực hiện mục tiêu đó của Trung Quốc sẽ gặp phải những trở ngại nhất định. Thực tế đã cho thấy, Trung Quốc đang phải chịu sức ép cạnh tranh nặng nề trên thị trường thế giới, phải đối mặt với xu thế tập đoàn hóa các khu vực kinh tế đang ngày càng phát triển, phải chịu sự hạn chế của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và sự cạnh tranh mang tính bài ngoại của thế giới. Chính vì vậy, một chính sách biên mậu đúng đắn và hợp lý đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với việc giữ vững sự độc lập về chính trị và lợi ích kinh tế của Trung Quốc trong điều kiện cạnh tranh quốc tế khốc liệt, đồng thời đối phó có hiệu quả với các thế lực độc quyền kinh tế quốc tế, hạn chế được chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và xu thế bài ngoại của các tập đoàn kinh tế khu vực, mang đến cho Trung Quốc một môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng, tạo đà cho phát triển kinh tế và tăng cường vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế hiện nay.

TTBD ĐBDC